

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 14-01-2022
V/v Tranh chấp tiền hộ (hụi)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14-01-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-DS ngày 08-11-2022 về việc “*Tranh chấp tiền hộ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-DS ngày 27-12-2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2/27Ô1, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Lê Thị Hạnh Đ, sinh năm: 1947 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 4, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Ngày 08-4-2020 âm lịch (tháng 4 sau) (ngày 30-5-2020 dương lịch), chị Nguyễn Thị Ngọc H mở 01 dây hộ gồm 16 phần, mỗi phần 3.000.000đ, có 13

người tham gia (trong đó có 03 người tham gia mỗi người 02 phần, bà Đ tham gia 02 phần), do phong tục tập quán nên chỉ ghi tên của những người tham gia vào tờ giấy và lập cuốn sổ để theo dõi (chỉ ghi tên thường gọi, không biết tên trên giấy tờ), không lập sổ sách theo quy định của pháp luật, họ kết thúc ngày 08-7-2021 âm lịch (ngày 15-8-2021 dương lịch) gồm có: Dì Lan, dì Bé, chị Tư Hậu, chị Bé Năm (tham gia 02 phần), dì Đen (tham gia 02 phần), chú Bảy Ky, chị Ba (Nguyễn Thị Mai Trang), dì Hai, dì Cúc, bác Trường (bà Lê Thị Hạnh Đ, tham gia 02 phần), chị Bình, chị Hà và cái (Nguyễn Thị Ngọc H).

Theo thỏa thuận đến kỳ mở họ ai là người trả lãi cao nhất thì được lĩnh họ và được nhận 45.000.000đ (không tính số tiền người lĩnh họ phải góp). Tại kỳ mở họ đầu tiên ngày 08-4-2020 chị Tư Hậu là người trả lãi cao nhất nên được lĩnh họ.

Tại kỳ mở họ lần thứ 6 ngày 08-9-2020 âm lịch (ngày 24-10-2020 dương lịch), bà Đ là người trả lãi cao nhất nên được lĩnh họ, theo đó bà Đ được lĩnh 45.000.000đ, nhưng do bà Đ trả lãi 250.000đ nên chỉ được lĩnh 42.500.000đ (chịu tiền lãi 10 phần, mỗi phần 250.000đ, tổng cộng 2.500.000đ) và trả cho chủ họ tiền hoa hồng 500.000đ. Như vậy, số tiền bà Đ lĩnh là 42.000.000đ, nhưng trong họ này bà Đ tham gia 02 phần nên phải góp họ 2.750.000đ (phần chưa lĩnh họ) nên số tiền thực lĩnh 39.250.000đ. Sau khi nhận tiền bà Đ có viết giấy xác nhận với nội dung là “Đã nhận đủ số tiền 39.250.000đ đề ngày 08.9.2020”. Các kỳ họ tiếp theo bà Đ vẫn góp họ theo thỏa thuận.

Đến kỳ mở họ lần thứ 11 ngày 08-02-2021 âm lịch (ngày 20-3-2021 dương lịch), bà Đ là người trả lãi cao nhất nên được lĩnh họ, nhưng do bà Đ trả lãi 300.000đ nên chỉ được lĩnh 43.500.000đ (chịu tiền lãi 05 phần, mỗi phần 300.000đ, tổng cộng 1.500.000đ) và trả cho chủ họ tiền hoa hồng là 500.000đ. Như vậy, số tiền bà Đ lĩnh là 43.000.000đ và ký xác nhận “Nhận đủ” ký tên đề ngày 08-02-2021. Sau khi giao tiền cho bà Đ xong chị H mới phát hiện chưa thu tiền họ của bà Đ phần đã lĩnh là 3.000.000đ nên ngày hôm sau đến gặp yêu cầu bà Đ giao lại 3.000.000đ. Do đó, tại kỳ họ mở lần thứ 11 bà Đ lĩnh số tiền 40.000.000đ không phải 43.000.000đ như trong giấy biên nhận.

Sau đó, bà Đ góp họ thêm một kỳ nữa (kỳ họ thứ 12) rồi không góp các kỳ họ tiếp theo để các thành viên khác lĩnh họ nên chị H là chủ họ phải góp thay phần họ của bà Đ để giao cho các thành viên chưa được lĩnh họ. Tổng cộng chị H góp thay cho bà Đ 04 kỳ, mỗi kỳ 3.000.000đ, do bà Đ tham gia 02 phần nên số tiền đã góp thay 24.000.000đ.

Chị H không mở dây họ nào vào ngày 10-01-2020 âm lịch (ngày 03-02-2020 dương lịch), có 13 người tham gia, mỗi phần 3.000.000đ như bà Đ trình bày mà đến ngày 08-4-2020 âm lịch mới mở 01 dây họ có 16 phần, họ này bà Đ tham gia

02 phần và đã lĩnh đủ, mỗi lần lĩnh họ chị H đều yêu cầu bà Đ ký tên nhận tiền. Trong buổi làm việc tại Tòa án ngày 22-11-2021, lúc đầu bà Đ không thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong 02 tờ giấy mà chị H đã giao nộp cho Tòa án, nhưng sau đó bà Đ cũng thừa nhận là chữ ký chữ viết của mình.

Trong khoảng thời gian năm 2020 năm 2021 bà Đ chỉ tham gia 01 dây họ do chị H làm chủ mở ngày 08-4-2020 âm lịch, ngoài ra bà Đ không tham gia dây họ nào khác (trong thời gian này chị H mở nhiều dây họ khác nhau).

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải hoàn trả lại 24.000.000đ.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thị Hạnh Đ trình bày:

Năm 2020, bà Đ có tham gia 01 dây họ do chị H làm chủ mỗi phần là 3.000.000đ, không biết trong họ này có bao nhiêu thành viên tham gia và có bao nhiêu phần, nhưng nghe chị H nói nếu lĩnh họ cuối cùng sẽ được lĩnh 36.000.000đ nên bà Đ nghĩ là họ này có 13 phần, bà Đ tham gia 02 phần.

Dây họ được mở vào ngày 10-01-2020 âm lịch (ngày 21-02-2020) và kết thúc ngày 10-12-2020 âm lịch (do năm này là năm nhuận nên có 13 tháng, ngày 22-01-2021). Sau đó không biết vì lý do gì chị H thông báo là họ này sẽ được mở vào ngày 08 âm lịch hàng tháng.

Kỳ mở họ lần thứ 10 vào ngày 08-9-2020 âm lịch bà Đ là người trả lãi cao nhất là 250.000đ nên được lĩnh họ. Sau khi trừ tiền lãi 03 phần của dây họ chưa được lĩnh là 750.000đ, trả tiền hoa hồng cho chủ họ 500.000đ và góp lại 01 phần họ 2.750.000đ nên số tiền thực nhận 32.000.000đ, nhưng chị H không đưa tiền lĩnh họ này cho bà Đ mà lại giao tiền của dây họ mở ngày 08-4-2020 âm lịch với số tiền 39.250.000đ. Lúc đầu bà Đ không đồng ý nhận và yêu cầu chị H giao tiền họ của dây họ mở ngày 10-01-2020 âm lịch thì chị H im lặng. Bà Đ trả lại tiền cho chị H 39.250.000đ vì không phải họ mình tham gia mà yêu cầu nhận tiền họ 13 phần lĩnh 32.000.000đ bắt đầu góp ngày 10-01-2020 âm lịch chị H vẫn im lặng chỉ đưa cho bà Đ xem sổ họ ghi tháng 01-2020 âm lịch thì trong đó chỉ ghi chỉ có dây họ 5.000.000đ, ngoài ra không có dây họ nào cả, họ bà Đ tham gia 3.000.000đ cũng không có. Do sợ không được lĩnh họ nên bà Đ đồng ý nhận tiền và ký nhận 39.250.000đ.

Đến kỳ mở họ ngày 08-02-2021 âm lịch, bà Đ là người trả lãi cao nhất 300.000đ nên được lĩnh họ, nhưng do phải trả tiền lãi cho những thành viên chưa lĩnh họ 1.500.000đ nên số tiền được lĩnh 43.500.000đ và trả cho chủ họ tiền hoa hồng 500.000đ nên số tiền thực lĩnh 43.000.000đ. Sau khi nhận đủ tiền, bà Đ ký

giấy xác nhận đã nhận đủ tiền từ chị H và sau đó bà Đ có trả lại cho chị H 3.000.000đ tiền góp họ đối với phần đã lĩnh.

Sau khi lĩnh hộ kỳ mở hộ ngày 08-02-2021 âm lịch, bà Đ góp thêm 01 kỳ hộ là kết thúc. Bà Đ không tham gia hộ do chị H mở ngày 08-4-2020 âm lịch nên không phải góp các kỳ hộ tiếp theo và cho rằng mình ký nhận 15 phần hộ thì phải đóng đủ 15 phần và đã thực hiện đóng đủ 15 phần, đóng từ ngày 10-01-2020 âm lịch đến ngày 08-3-2021 âm lịch.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đ không đồng ý vì không tham gia họ này và không còn thiếu tiền họ của chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tổ tụng các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; các điều 9, 10, 11, 12, 13, 16 và 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biê, phườg. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đ phải hoàn trả cho chị H 24.000.000đ tiền họ (hụi) chưa góp theo họ mở ngày 08-4-2020 âm lịch (tháng 4 sau).

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp với bị đơn số tiền phát sinh từ dây họ mở ngày 08-4-2020 âm lịch (tháng 4 sau) được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về tiền họ”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

[2.1] Theo các tài liệu do nguyên đơn giao nộp và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện ngày 08-4-2020, chị H mở 01 dây họ gồm 16 phần, mỗi phần 3.000.000đ, có 13 người tham gia (có 03 người tham gia mỗi người 02 phần, trong đó bà Đ tham gia 02 phần), việc mở họ không lập sổ sách và họ kết thúc ngày 08-7-2021 âm lịch.

[2.2] Kỳ mở họ ngày 08-9-2020, bà Đ là người trả lãi cao nhất nên được lĩnh họ, nhưng do bà Đ trả lãi với số tiền 250.000đ nên chỉ được lĩnh 42.500.000đ (chịu tiền lãi 10 phần chưa được lĩnh, mỗi phần 250.000đ, tổng cộng 2.500.000đ) và trả cho chủ họ tiền hoa hồng 500.000đ nên được lĩnh 42.000.000đ. Trong họ này bà Đ tham gia 02 phần nên sau khi lĩnh họ bà Đ phải góp họ 2.750.000đ (phần chưa lĩnh họ) nên số tiền thực lĩnh 39.250.000đ. Sau khi nhận tiền bà Đ xác nhận và ký tên với nội dung là “Đã nhận đủ số tiền 39.250.000đ đề ngày 08.9.2020”.

[2.3] Đến kỳ mở họ ngày 08-02-2021, bà Đ là người trả lãi cao nhất nên được lĩnh họ, nhưng do bà Đ trả lãi với số tiền 300.000đ nên chỉ được lĩnh 43.500.000đ (chịu tiền lãi 05 phần chưa được lĩnh, mỗi phần 300.000đ, tổng cộng 1.500.000đ) và trả cho chủ họ tiền hoa hồng 500.000đ. Như vậy, bà Đ được lĩnh 43.000.000đ xác nhận và ký tên với nội dung “Nhận đủ” đề ngày 08-02-2021. Sau đó, bà Đ góp họ 3.000.000đ nên số tiền thực lĩnh 40.000.000đ.

[2.4] Sau khi lĩnh 02 kỳ họ bà Đ tiếp tục góp họ thêm một kỳ nữa rồi không góp các kỳ họ tiếp theo để các thành viên khác lĩnh họ. Do bà Đ không góp họ nên chị H là chủ họ phải góp thay phần họ của bà Đ để giao cho các thành viên chưa được lĩnh họ. Chị H góp thay cho bà Đ 04 kỳ họ, mỗi kỳ là 3.000.000đ, bà Đ tham gia 02 phần nên tổng số tiền đã góp thay là 24.000.000đ.

[2.5] Chị H cho rằng mình không mở dây họ nào vào ngày 10-01-2020 như bà Đ trình bày mà đến ngày 08-4-2020 mới mở dây họ có 16 phần, họ này bà Đ tham gia 02 phần và đã lĩnh đủ 02 phần. Trong khoảng thời gian năm 2020 năm 2021 bà Đ chỉ tham gia 01 dây họ do chị H làm chủ mở ngày 08-4-2020, ngoài ra không tham gia dây họ nào khác (trong thời gian này chị H mở nhiều dây họ khác nhau).

[2.6] Bà Đ cho rằng mình không tham gia dây họ do chị H mở ngày 08-4-

2020, mà trước đó có tham gia đây họ do chị H mở 10-01-2020 và kết thúc ngày 10-12-2020, nhưng thừa nhận tại kỳ mở họ ngày 08-9-2020 đã lĩnh 39.250.000đ và ký xác nhận với nội dung là “Đã nhận đủ số tiền 39.250.000đ đề ngày 08.9.2020” và đến kỳ mở họ ngày 08-02-2021 được lĩnh 43.000.000đ và ký xác nhận “Nhận đủ” đề ngày 08-02-2021, sau đó góp lại 3.000.000đ nên thực lĩnh là 40.000.000đ.

[2.7] Theo bà Đ thì đây họ mà bà tham gia được mở vào ngày 10-01-2020 âm lịch, có 13 phần mỗi phần 3.000.000đ và kết thúc vào ngày 10-12-2020 âm lịch (do có tháng nhuận), nhưng đến ngày 08-02-2021 âm lịch lại được lĩnh 40.000.000đ là có sự mâu thuẫn về thời gian diễn ra họ và phần họ.

[2.8] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa cho thấy ngày 08-9-2020 bà Đ đã lĩnh hộ 39.250.000đ và đến ngày 08-02-2021 bà Đ lĩnh tiếp 43.000.000đ. Tại giấy xác nhận đã nhận tiền ngày 08-02-2021 có dòng chữ “Đến 08-7-2021 mãn” thể hiện ngày kết thúc của hộ này. Bà Đ cho rằng mình không tham gia hộ này nhưng không chứng minh được tại sao đến ngày 08-02-2021 vẫn được lĩnh hộ và số tiền được lĩnh tương ứng với số phần trong hộ, trong khi đó bà Đ cho rằng hộ mình tham gia có 13 phần, mỗi phần 3.000.000đ, nếu được lĩnh cuối cùng là 33.000.000đ (không tính phần của mình). Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà Đ có tham gia trong hộ do chị H làm chủ mở ngày 08-4-2020 âm lịch. Sau khi lĩnh hộ tại kỳ mở hộ ngày 08-02-2021 âm lịch, bà Đ góp thêm 01 kỳ hộ nữa rồi không góp phần hộ theo thỏa thuận nên chị H là chủ hộ phải tự bỏ tiền ra góp thay để giao cho các thành viên chưa lĩnh hộ.

[2.9] Theo quy định tại các điều 4, 16 và 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phươg.

Khoản 3 Điều 4 “... 3. Chủ hộ là người tổ chức, quản lý dây hộ, thu các phần hộ và giao các phần hộ đó cho thành viên được lĩnh hộ trong mỗi kỳ mở hộ cho tới khi kết thúc dây hộ ...”

Điểm c khoản 1 Điều 16 “c. Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh họ cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác ...”

Điểm b khoản 1 Điều 17“ b. Yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó”.

Như vậy, chị H là chủ hộ nên phải có nghĩa vụ thu các phần hộ của các thành viên tham gia trong hộ để giao lại cho thành viên lĩnh hộ đến kỳ lĩnh hộ. Theo đó đây hộ có 16 phần, tương ứng với 16 kỳ và bà Đ mới góp được 12 kỳ còn lại 04 kỳ chưa góp, mỗi kỳ 3.000.000đ (góp 02 phần) tương đương 24.000.000đ.

Chị H đã góp thay nên yêu cầu bà Đ phải hoàn trả lại số tiền đã góp là có cơ sở chấp nhận.

[2.10] Từ những nhận định và phân tích nêu trên cần tuyên xử buộc bà Đ phải hoàn trả cho chị H 24.000.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Đ là người trên 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí, nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu 24.000.000đ x 5% = 1.200.000đ án phí. Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 471 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với bà Lê Thị Hạnh Đ về việc tranh chấp tiền hộ.

Buộc bà Lê Thị Hạnh Đ phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Hạnh Đ phải nộp 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0008552 ngày 05-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHADS huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Hoàng Đức